

Bản án số: **40/2023/HSST**

Ngày: 18/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**

Ông **Phạm Hồng Quang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Phương Thùy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Đình T, sinh ngày 05/11/1975 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: 6x Đồng Khởi, tổ 13 phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Đình Th (chết) và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị T1 (đã ly hôn) và 03 con sinh năm 1997, 2001, 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 23.9.2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 BLHS.

Bị cáo bị bắt giam ngày 23/9/2022 theo Lệnh tạm giam của Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: 8x Vũ Ngọc Phan, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng;

- Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1981; Địa chỉ: 7x Nước Mặn 2, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;

- Bà Phan Thị Kiều M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Lô H2/9 Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;

- Ông Trần Danh T2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, Phạm Đình T cũng với ông Trần Danh T2 và bà Nguyễn Thị Thanh V thỏa thuận góp vốn kinh doanh bất động sản và uỷ quyền cho T thay mặt T2, V trong quá trình hợp tác kinh doanh. Theo đó T, T2, V liên hệ mua của: Bà Trần Thị Kim D 01 lô đất với giá 2.250.000 đồng và đặt cọc trước 690.000.000 đồng; mua của ông Ngô Phan Thành A 01 lô đất với giá 14.000.000.000 đồng và đặt cọc trước số tiền 4.200.000.000 đồng; mua của bà Phan Thị Kiều M thửa đất số 238 tờ bản đồ 91 diện tích 100m2 thuộc lô 7-B2.4 Khu mở rộng ranh giới về phía đông thuộc khu số 4 mở rộng Khu đô thị mới Nam cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng với giá 5.200.000.000 đồng và đặt cọc trước 1.560.000.000 đồng. Tổng số tiền mà T đặt cọc để mua ba lô đất trên là 6.450.000.000 đồng. Còn lại số tiền 15.000.000.000 đồng thì T, T2, V liên hệ Ngân hàng SHB- Chi nhánh Đà Nẵng tại 06 Nguyễn Văn Linh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng để vay số tiền trên và khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của 04 lô đất gồm: Thửa đất số 8-AE tờ bản đồ số 00 diện tích 145 m2; Thửa đất số 20 tờ bản đồ số 101 diện tích 100m2; Thửa đất số 10-AE tờ bản đồ số TN diện tích 100m2; Thửa đất số 11-AE, tờ bản đồ số 00 diện tích 100m2 (do ông Trần Danh T2 và bà Nguyễn Thị Thanh V đứng tên chủ sở hữu và cùng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, P. Hoà Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng). Sau khi hoàn thiện các thủ tục vay tiền thì Ngân hàng SHB đã T hành giải ngân số tiền vay cho T là 15.000.000.000 đồng và yêu cầu T sau khi mua các lô đất theo như hợp đồng vay vốn thì cần bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các lô đất mà T sử dụng vốn vay để mua để chứng minh việc sử dụng vốn của T là đúng mục đích nếu không ngân hàng sẽ T hành chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn. Sau khi nhận được tiền vay, T không tiếp tục mua thửa đất của bà Phạm Thị Kiều M nữa mà sử dụng vào mục đích khác nên để bổ sung chứng từ sử dụng vốn cho Ngân hàng SHB thì Phạm Đình T nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất của bà My để cung cấp cho Ngân hàng. Sau đó, T nhờ bạn là Trần Thị Kim D lấy thông tin thửa đất số 238 tờ bản đồ 91 diện tích 100m2 thuộc lô 7-B2.4 Khu mở rộng ranh giới về phía đông thuộc khu số 4 mở rộng Khu đô thị mới Nam cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng từ bà M để cung cấp cho T và nói là để cung cấp thông tin cho ngân hàng phục vụ việc vay vốn. Tin tưởng T nên bà D liên hệ M để lấy thông tin lô đất gửi cho T. Sau khi có thông tin lô đất, T liên hệ với một người không rõ lai lịch trên mạng xã hội để đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 07 ngày sau, T nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018 đối với thửa đất số 238 tờ bản đồ 91 diện tích 100m2 thuộc lô 7-B2.4 Khu mở rộng ranh giới về phía đông thuộc khu số 4 mở rộng Khu đô thị mới Nam cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và giao 7.000.000 đồng cho người giao hàng (không rõ lai lịch), sau khi nhận được Giấy chứng nhận thì T cất giữ trong nhà và chưa sử dụng.

Trong khoảng thời gian này, bà Trần Thị H đến nhà T để đòi nợ thì thấy Giấy chứng nhận giả nêu trên T đang để trên bàn nên đã tự ý lấy Giấy chứng nhận này mang về nhà cất giữ và yêu cầu T khi nào trả tiền nợ thì bà H sẽ trả lại cho T, do

đang nợ bà H nên T vẫn để bà H đem Giấy chứng nhận này về. Sau khi đem về nhà, qua kiểm tra bà H nghi ngờ Giấy chứng nhận nêu trên là giả nên làm đơn tố cáo đến Công an quận Liên Chiểu.

Theo Kết luận giám định số 1094/KL-KTHS ngày 19/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018 là giả.

*** Vật chứng tạm giữ:** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018.

Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số: 22/2023/CT-VKS ngày 19/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Đình T về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Đình T như nội dung Cáo trạng. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như về nhân thân bị cáo, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Đình T mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”*.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục quy trừ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình chăm sóc mẹ già và các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đình T*: Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng tháng 7 năm 2022, tại địa bàn quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Phạm Đình T có hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Đình T đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đình T thì thấy: Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rất rõ hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật thế nhưng vẫn bất chấp thực hiện để phục vụ cho nhu cầu riêng của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tính cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội chưa gây thiệt hại gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018 là tài liệu, chứng cứ của vụ án, do đó cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[6]. *Đối với những vấn đề khác trong vụ án, cụ thể*:

Đối với người chưa rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018 hiện vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp, HĐXX không xem xét.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng SHB- Chi nhánh Đà Nẵng: Đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12.7.2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu. HĐXX không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Đình T** phạm tội **“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”**

2. Căn cứ: Khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đình T 09 (Chín) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP846126 mang tên Phạm Đình T do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11.12.2018.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Đình T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng (phòng 7);
- TAND TP Đà Nẵng (Phòng KTNV);
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQĐT - Công an quận Liên Chiểu;
- Cơ quan THAHS – Công an Q. Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Hồng Quang

Trần Nguyễn Thi Thi

Nơi nhận:

- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA dân sự quận Liên Chiểu;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Nguyễn Thi Thi

